

ZEN BUDDHISM IN JAPAN (7TH – 16TH CENTURIES) AND ITS INFLUENCE ON THE MEDIEVAL SAMURAI CLASS

Pham Thi Thanh Huyen^{*1}
and Phan Thi Thanh Binh²

¹*Faculty of History, Hanoi University of Education, Hanoi city, Vietnam*

²*Student K71, Faculty of History, Ha Noi University of Education, Hanoi city, Vietnam*

^{*}Corresponding author: Pham Thi Thanh Huyen,
e-mail: huyenptt@hnue.edu.vn

THIÊN TÔNG Ở NHẬT BẢN (THẾ KỈ VII – XVI) VÀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TẦNG LỚP SAMURAI THỜI TRUNG ĐẠI

Phạm Thị Thanh Huyền^{*1},
và Phan Thị Thanh Bình²

¹*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

²*SV K71, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

^{*}Tác giả liên hệ: Phạm Thị Thanh Huyền,
e-mail: huyenptt@hnue.edu.vn

Received March 26, 2025.

Revised August 6, 2025.

Accepted August 21, 2025.

Ngày nhận bài: 26/3/2025.

Ngày sửa bài: 6/8/2025.

Ngày nhận đăng: 21/8/2025.

Abstract. Japan is one of the Eastern countries with a distinctive tradition of Zen Buddhism, in which the relationship between Zen and the Samurai class stands out as a remarkable cultural and religious phenomenon. However, this connection has not yet been fully examined through an interdisciplinary lens. The introduction and development of Zen Buddhism in Japan from the 7th to the 16th centuries not only shaped religious life but also profoundly influenced the inner world, combat mindset, ethics, and aesthetics of the Samurai during the medieval period. This study investigates why a military class adopted and internalized a spiritual tradition rooted in stillness and introspection. Employing historical source analysis and an interdisciplinary approach that bridges philosophy, history, and cultural studies, the paper traces the transmission and evolution of Zen Buddhism in Japan, while also analyzing its role in shaping the spiritual values of the Samurai. In doing so, the study contributes to a deeper understanding of medieval Japanese cultural identity.

Keywords: Medieval Japan, Samurai, Zen Buddhism.

Tóm tắt. Nhật Bản là một trong những quốc gia phương Đông có truyền thống Thiền tông đặc sắc, trong đó mối liên hệ giữa Thiền tông và tầng lớp Samurai là một hiện tượng văn hoá – tôn giáo tiêu biểu nhưng vẫn chưa được nghiên cứu toàn diện dưới góc nhìn liên ngành. Sự du nhập và phát triển của Thiền tông tại Nhật Bản từ thế kỉ VII đến XVI không chỉ ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tôn giáo, mà còn góp phần hình thành thế giới nội tâm, tư duy chiến đấu, đạo đức và mỹ học của tầng lớp Samurai trong thời kì trung đại. Tại sao một tầng lớp võ sĩ lại tiếp nhận và đồng hành sâu sắc với một hệ thống tư tưởng mang tính tĩnh tại và nội hướng như Thiền tông? Đây là câu hỏi trung tâm mà nghiên cứu này hướng đến giải quyết. Bằng phương pháp phân tích sử liệu, khảo cứu lịch sử và tiếp cận liên ngành giữa triết học, văn hoá và lịch sử, bài viết tập trung phác thảo quá trình du nhập và phát triển của Thiền tông ở Nhật Bản, đồng thời phân tích vai trò của Thiền tông trong việc hình thành hệ giá trị tinh thần của tầng lớp Samurai, qua đó góp phần nhận diện những đặc trưng của bản sắc văn hoá Nhật Bản trung đại.

Từ khoá: Nhật Bản trung đại, Samurai, Thiền tông.

1. Mở đầu

Tại Nhật Bản, đời sống tôn giáo được định hình bởi sự song hành giữa Phật giáo và Thần đạo: nếu Phật giáo với hệ thống giáo lý và tổ chức chặt chẽ sớm trở thành trụ cột tinh thần – chính trị, thì Thần đạo, gắn liền với sinh hoạt cộng đồng, lại góp phần duy trì bản sắc văn hóa dân tộc. Trải qua lịch sử, hai truyền thống này không đối lập mà thường bổ sung cho nhau trong việc định hình trật tự xã hội và củng cố quyền lực chính trị.

Trong bối cảnh đó, Samurai vừa là lực lượng quân sự bảo vệ Mạc phủ, vừa trở thành biểu tượng văn hóa – đạo đức của Nhật Bản trung đại. Từ thời Kamakura, Thiền tông – nhấn mạnh thiền định, vô niệm, vô ngã và sự an nhiên trước cái chết – đã thấm sâu vào tư tưởng, lối sống và thẩm mỹ võ sĩ, hòa quyện với tinh thần kỉ luật và danh dự. Sự gắn bó này đặt ra câu hỏi học thuật: vì sao một truyền thống hướng nội, buông xả như Thiền tông lại trở thành nền tảng tinh thần cho một tầng lớp gắn liền với chiến đấu và nghĩa vụ? Đây là minh chứng điển hình cho quá trình tiếp biến văn hóa sâu sắc tại Nhật Bản, đồng thời mở ra hướng nghiên cứu liên ngành giữa triết học, tôn giáo và lịch sử.

Việc nghiên cứu về Thiền tông Nhật Bản và ảnh hưởng của nó đối với tầng lớp Samurai trong giai đoạn trung đại đã thu hút sự quan tâm đáng kể của nhiều học giả trong nước và quốc tế. Ở phạm vi học thuật quốc tế, có thể kể đến tác phẩm *Zen and the Way of the Sword: Arming the Samurai Psyche* (1993) của Winston L. King [1]. Tác giả đã phân tích vai trò của thiền định trong hệ thống Thiền tông, đồng thời nhấn mạnh cách thức Thiền góp phần hình thành kỉ luật tinh thần, thể chất và cảm xúc – những yếu tố cốt lõi trong quá trình rèn luyện của giới võ sĩ. Trên cơ sở đó, King lí giải mối quan hệ biện chứng giữa Thiền tông và tầng lớp Samurai, cũng như những điều kiện lịch sử – xã hội dẫn đến sự gắn kết này. Bên cạnh đó, tác phẩm *Võ sĩ đạo, linh hồn của Nhật Bản* (2011) của Nitobe Inazo [2] (do Lê Ngọc Thảo dịch) cung cấp một cái nhìn toàn diện về hệ thống đạo đức đặc trưng của Samurai. Nitobe cho rằng Thiền tông là một trong những nhân tố quan trọng góp phần định hình thế giới quan, nhân sinh quan và tinh thần tự chủ của võ sĩ đạo, đồng thời làm nổi bật vai trò của Thiền trong việc tạo lập ý thức kỉ luật và nền tảng văn hoá tinh thần mang bản sắc Nhật Bản.

Những năm gần đây, nhiều công trình quốc tế tiếp tục khẳng định vai trò của Thiền tông trong lịch sử văn hoá Nhật Bản. Bài viết “Zen Buddhism in Tradition, Culture and Society of Japan” [3] của M. Maksimovich và M. Blagoevich, đăng trên *Research Result Sociology and Management* số 1/2024, đã phân tích quá trình hội nhập của Thiền tông vào đời sống Nhật Bản, đồng thời chỉ ra rằng Thiền không chỉ là một hiện tượng tôn giáo, mà còn trở thành một cấu phần quan trọng trong cấu trúc tư tưởng và hệ giá trị truyền thống, đặc biệt trong bối cảnh trung đại.

Ở Việt Nam, nghiên cứu về văn hoá và tôn giáo Nhật Bản cũng đạt được những kết quả đáng chú ý, trong đó Phật giáo nói chung và Thiền tông nói riêng luôn là chủ đề được quan tâm. Các công trình như *Tổng quan lịch sử Phật giáo thế giới* (Quyển II) của Thích Viên Lí (2020) [4] và *Lịch sử Phật giáo Thế giới* của Pháp sư Thánh Nghiêm (2008) [5] đã phác hoạ tiến trình du nhập và phát triển của Phật giáo tại Nhật Bản, nhấn mạnh vai trò của Thiền tông dưới thời Mạc phủ Kamakura – giai đoạn đánh dấu bước chuyển quan trọng trong đời sống tôn giáo và tư tưởng. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu chuyên sâu trên các tạp chí khoa học trong nước cũng làm sáng tỏ các khía cạnh của Thiền tông Nhật Bản. Chẳng hạn, Phạm Thị Thu Giang với bài viết “Sự du nhập và triển khai Thiền tông ở Nhật Bản” [6] trên *Tạp chí Khoa học Đại học Hạ Long* số 1/2023, đã cung cấp một cái nhìn hệ thống về nguồn gốc, các hệ phái, phương thức truyền bá và đặc trưng mang tính nhập thế của Thiền tông. Trước đó, Hoàng Thị Thơ trong bài “Vài nét đặc trưng của Phật giáo Thiền tông Nhật Bản” [7] trên *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* số 1/2001, cũng đã phân tích những điểm nổi bật của Thiền tông sau khi du nhập vào Nhật Bản, đồng thời chỉ ra sự khác biệt giữa Thiền tông Nhật Bản và Thiền tông Trung Quốc, nhấn mạnh sự gắn kết mật thiết giữa Thiền và tư tưởng võ sĩ đạo (*Bushido*).

Mặc dù tư liệu về lịch sử và văn hoá Nhật Bản khá phong phú, phần lớn nghiên cứu mới chỉ tập trung vào tiến trình phát triển của Phật giáo hoặc Thiền tông, ít chú ý đến mối quan hệ đặc thù với Samurai. Một số công trình đã đề cập ảnh hưởng của Thiền đến đời sống võ sĩ, song các nghiên cứu hệ thống về vai trò của Thiền trong việc hình thành bản sắc, đạo đức và thế giới quan Samurai vẫn còn hạn chế. Khoảng trống này cho thấy sự cần thiết của những tiếp cận liên ngành và toàn diện hơn.

Kế thừa các nghiên cứu về Phật giáo tại Nhật Bản, bài viết tập trung lí giải mối quan hệ giữa Thiền tông và các giá trị văn hóa – tinh thần của Samurai thời trung đại. Nội dung gồm: (1) quá trình du nhập và phát triển của Thiền tông; (2) ảnh hưởng của Thiền tông đối với tầng lớp Samurai. Qua đó, bài viết góp phần làm sáng tỏ một chiều cạnh trong lịch sử tư tưởng – văn hóa Nhật Bản và mở rộng hướng tiếp cận liên ngành về quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa ở các xã hội phong kiến phương Đông.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quá trình du nhập và phát triển của Thiền tông ở Nhật Bản (thế kỉ VII – XVI)

2.1.1. Giai đoạn du nhập và tiếp nhận (thế kỉ VII – XII)

Phật giáo du nhập vào Nhật Bản từ thế kỉ VI và nhanh chóng được coi trọng như một tôn giáo chính thống. Thời Nara, đặc biệt dưới triều Hoàng đế Shōmu (709–756), Phật giáo phát triển rực rỡ với sự hình thành *Nam Đô Lục tông*. Tuy nhiên, đến cuối thời kì này, các tông phái dần trì trệ, buộc chính quyền cử tăng sĩ sang Trung Quốc để tiếp thu dòng mới nhằm cải cách. Sự phát triển mạnh mẽ của Phật giáo vừa khẳng định vai trò tư tưởng – tôn giáo, vừa tạo ra lực lượng chính trị ảnh hưởng sâu rộng, trở thành thách thức đối với hoàng quyền và quý tộc.

Thời Heian (794–1185), bên cạnh sáu tông phái từ thời Nara, Phật giáo Nhật Bản xuất hiện thêm nhiều tông phái mới, nổi bật là Thiên Thai tông của Saichō (766–822) và Chân Ngôn tông của Kūkai (774–835). Sự phát triển này dẫn đến phân hoá giữa Phật giáo cung đình gắn với quý tộc và Phật giáo dân gian hướng tới đại chúng, đồng thời góp phần thể chế hóa Phật giáo trong đời sống chính trị – xã hội. Cùng thời, tại Trung Quốc (Tùy – Đường), tư liệu về hoạt động của giới thiền tăng còn rời rạc, khiến việc truy nguyên nguồn gốc Thiền tông khu vực gặp khó khăn.

Theo truyền thuyết “*niêm hoa vi tiêu*” của Phật giáo Đại thừa, Thiền tông là dòng Phật giáo mật truyền, hay còn gọi là “*tâm truyền*”, bắt đầu từ Thích Ca Mâu Ni, truyền riêng cho Ka Diếp (*Mahākāśyapa*) sau đó là Ànanda và đến tổ thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma [2; 71]. Thiền tông chủ trương rằng giác ngộ không thể đạt được thông qua lí luận hay ngôn từ, mà chỉ có thể tiếp cận bằng trực giác trong quá trình tự tu tập. Là một nhánh đặc thù trong hệ thống Phật giáo, Thiền tông vừa mang đậm tính cá nhân với mục tiêu hướng nội, vừa phản ánh sự thích nghi linh hoạt với điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể. Dù có hệ thống tín đồ riêng và đặc điểm thực hành riêng biệt, Thiền tông vẫn tồn tại trong mối quan hệ đan xen với thể chế chính trị và các biến động xã hội.

Mục tiêu cốt lõi của Thiền là khai mở nhận thức nội tại, giúp con người giác ngộ như một quá trình tự thấu hiểu bản thân và sống hài hòa trong cộng đồng. Thiền nhân mang sự yêu thương, tôn trọng, chế ngự sân hận, ích kỉ và bạo lực để đạt tới an lạc nội tâm. Ở Nhật Bản, Thiền tông vừa kế thừa tinh thần phổ quát của Phật giáo, vừa hòa nhập vào đời sống xã hội, trở thành một nghệ thuật sống. Như Suzuki khẳng định, Thiền là “nghệ thuật kiến chiếu vào thể tánh của chúng ta... đưa ta đến uyên nguyên của cuộc sống” [7; 73]. Trong bối cảnh trung đại, khi chưa có hệ tư tưởng nào đối trọng với Phật giáo, Thiền tông đã đem lại sinh khí mới cho đời sống tinh thần, bổ sung những giá trị và tri thức mà tín ngưỡng bản địa chưa đáp ứng được.

Theo *Nguyên Hanh Thích thư (Genkō Shakusho)*, bộ sử Phật giáo sớm nhất của Nhật Bản, Thiền tông đã được du nhập từ thế kỉ VII bởi sư Dōshō (629–700) [6; 71], trong bối cảnh Nhật Bản tích cực tiếp nhận văn hoá thời Sơ Đường. Dưới thời Nara, Thiền hoàng Shōmu thể chế hoá Phật giáo như thành tố của nhà nước luật lệnh (*ritsuryō*), giao sứ mệnh bảo hộ quốc gia (*chingo*

kokka) và ban hành giới luật nghiêm ngặt cho tăng lữ. Đồng thời, triều đình mời nhiều cao tăng Trung Quốc như Đạo Tuyên và Giám Chân sang truyền giảng, góp phần củng cố nền tảng giáo lý và tổ chức Phật giáo Nhật Bản.

Dưới thời Nara (710–784), Thiền tăng Đạo Tuyên từ nhà Đường được mời sang Nhật (736) để giảng dạy giới luật và xây dựng thiền viện, đặt nền móng cho việc truyền bá Thiền theo hướng chính thống. Cùng thời, nhiều tăng sĩ Nhật như Gyōhyō và Saichō tiếp thu, chuyển hoá tư tưởng Thiền, tạo tiền đề cho sự phát triển hệ thống ở thời Heian (794–1185). Ngoài sự hiện diện của cao tăng Trung Quốc, Thiền còn du nhập qua các tăng sĩ và sứ giả Nhật Bản sang học tập, mang về kinh điển và tư liệu, góp phần vào tiến trình bản địa hoá Thiền trong bối cảnh Thiền đang hưng thịnh ở Trung Quốc.

2.1.2. Giai đoạn Thiền tông xác định vị trí (thế kỉ XII - XIV)

Thời Kamakura (1192–1333) đánh dấu sự du nhập mạnh mẽ của tư tưởng và tôn giáo Trung Hoa, đặc biệt là Thiền tông. Trong bối cảnh triều đình suy yếu và tầng lớp võ sĩ trỗi dậy, hình thành “chính quyền võ sĩ” [2; 28] cùng một trật tự phân quyền mang tính quân phiệt, xã hội Nhật Bản tìm kiếm sự giản dị, nội tâm để thích ứng với biến động. Thiền tông, với tinh thần hướng nội và hài hoà, đã đáp ứng nhu cầu này và nhanh chóng phát triển.

Từ giữa thế kỉ XII, sự trao đổi thường xuyên giữa các nhà sư Nhật Bản và Trung Quốc đã đem lại sinh khí mới cho hoạt động của giới tri thức. Một bước phát triển quan trọng khác của đạo Phật được đánh dấu bằng những phong trào tiến bộ của tôn giáo mới ở thời kì Kamakura (1192 - 1333) mà sau đó được gọi là giai đoạn “quần chúng hoá” hay là “sự hình thành của đạo Phật theo kiểu Nhật Bản” [4; 45]. Khác với giai đoạn trước, khi các tông phái Phật giáo chủ yếu phục vụ giới quý tộc và tầng lớp thượng lưu, các tông phái mới trong thời kì này hướng tới quảng đại quần chúng, đặc biệt là tầng lớp võ sĩ và nông dân, mang đến hi vọng cứu rỗi trong một thời đại đầy bất ổn. Thời kì “quần chúng hoá Phật giáo” trở nên nổi bật với sự xuất hiện của bốn tông phái: Tịnh Độ tông, Tịnh Độ Chân tông, Nhật Liên tông và Thiền tông. Trong đó, Thiền tông nổi lên như một tông phái có ảnh hưởng sâu rộng, không chỉ đối với giới tu hành mà còn trong đời sống tinh thần của các tầng lớp dân chúng. Hai dòng phái chính của Thiền tông được truyền bá rộng rãi trong thời kì này là Lâm Tế tông (*Rinzai-shū*) và Tào Động tông (*Sōtō-shū*). Sự phát triển mạnh mẽ của Thiền tông dưới thời Kamakura đã thúc đẩy quá trình dung hợp tư tưởng giữa Nho giáo, Phật giáo và các giá trị tinh thần của tầng lớp võ sĩ đạo, từ đó hình thành một hệ triết lí sống đặc thù, góp phần định hình bản sắc văn hoá – tư tưởng của xã hội Nhật Bản trung đại.

Trong bối cảnh chiến tranh, đói kém và bất ổn xã hội, nhu cầu tín ngưỡng trở nên cấp thiết, thúc đẩy phong trào cải cách Phật giáo. Các tăng sĩ chủ trương phổ cập giáo lý vốn gắn với tầng lớp quý tộc, mở rộng đến toàn dân, đồng thời chấn chỉnh sự suy thoái trong tu tập để khắc phục khủng hoảng tinh thần. Quá trình này khiến Phật giáo gần bó sâu sắc hơn với đời sống xã hội, đối lập với mô hình cung đình do Fujiwara bảo trợ. Song song, các tăng sĩ Nhật Bản vẫn duy trì giao lưu với nhà Nam Tống qua đường biển, tiếp thu tư tưởng mới và xây dựng cơ sở truyền giáo trong nước, đặt nền móng cho sự phát triển độc lập của Thiền tông.

Bắt đầu từ năm 1167, thiền sư Eisai đã khởi hành sang nhà Tống với khát vọng có thể tiếp tục hành trình đến Tây Trúc – vùng đất khởi nguyên của Phật giáo, nhằm tìm kiếm con đường tiếp cận giáo lý nguyên thủy và chân truyền [6; 71]. Tuy nhiên, mục tiêu sâu xa hơn của ông là tìm kiếm một giải pháp khả thi nhằm cải tổ tình trạng suy thoái của Phật giáo tại Nhật Bản đương thời. Eisai nhận định rằng giới tăng lữ trong nước lúc bấy giờ chủ yếu thiên về thuyết giảng mà thiếu tinh thần tu hành nghiêm cần, không chú trọng trì giới, dẫn đến tình trạng hình thức hóa và suy yếu nội lực của Phật giáo. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết về một tôn giáo mang tính thực hành, hướng đến chuyển hóa nội tâm thực chất hơn. Trong quá trình đưa Thiền tông vào Nhật Bản và xây dựng nền tảng cho sự phát triển của tông phái này, Eisai đã gặp phải nhiều phản ứng tiêu cực và sự đối kháng từ các tông phái Phật giáo truyền thống vốn đã có chỗ đứng vững chắc từ trước. Dầu vậy, Thiền tông – với chủ trương giác ngộ thông qua trực nhận (*prajñā*) và tu tập

cá nhân đã dần khẳng định được vị thế của mình trong đời sống tôn giáo và tinh thần của xã hội Nhật Bản trung đại.

Người kế thừa sự nghiệp truyền bá Thiền tông của Eisai và sáng lập Tào Động tông (*Sōtō-shū*) tại Nhật Bản là Dōgen (1200–1253). Ông chủ trương đời sống khổ hạnh, kỉ luật nghiêm ngặt và thiền định thuần túy như con đường tự giải thoát. Sau chuyến tu học tại Trung Quốc với thiền sư Như Tịnh Trường Ông, Dōgen trở về lập chùa Vĩnh Bình, giảng pháp và trước tác, để lại bộ *Chính pháp nhãn tạng* (*Shōbōgenzō*) cùng nhiều luận văn quan trọng. Với tư tưởng triết học sâu sắc và vai trò tổ chức giáo hội, Dōgen được tôn kính như một trong những đại sư có ảnh hưởng lớn nhất của Phật giáo Nhật Bản.

Cùng với thiền sư Dōgen, các thế hệ kế tục đã đưa Thiền tông trở thành một dòng Phật giáo có sức lan tỏa mạnh mẽ, thu hút tín đồ từ thương nhân đến võ sĩ quý tộc, lan rộng cả đô thị lẫn nông thôn. Thiền tông không chỉ đáp ứng nhu cầu tinh thần mà còn thúc đẩy sự phát triển văn hóa – nghệ thuật như hội họa, trà đạo, văn học và giáo dục, góp phần định hình diện mạo văn minh Nhật Bản trung đại. Đặc biệt dưới thời Kamakura, các thiền sư vừa là cố vấn ngoại giao cho Mạc phủ vừa là cầu nối giao lưu với Trung Quốc, qua đó tiếp thu và sáng tạo những giá trị tư tưởng – nghệ thuật, đặt nền tảng cho nhiều truyền thống đặc sắc như kịch Noh, kiến trúc chùa chiền và tranh thủy mặc phong cảnh mang đậm tinh thần Thiền.

Từ cuối thế kỉ XII, nhiều thiền viện thuộc Lâm Tế tông đã được xây dựng dưới sự bảo trợ trực tiếp của chính quyền Mạc phủ Kamakura [6; 74]. Bên cạnh tín ngưỡng dành cho Lâm Tế tông, việc Mạc phủ ủng hộ tông phái mới này còn mang hàm ý chính trị rõ rệt: nhằm đối trọng với các thế lực Phật giáo truyền thống vốn gắn bó mật thiết với triều đình, đồng thời tái phân phối các trang viên và lãnh địa từng thuộc sở hữu của các tự viện cũ cho hệ thống thiền viện mới của Lâm Tế tông. Có giả thuyết cho rằng, ngay từ thời Kamakura, Mạc phủ đã học hỏi từ chế độ Ngũ sơn của nhà Tống và chỉ định các thiền viện Lâm Tế tông vào hệ thống này với mục đích hệ thống hóa các thiền viện và đặt chúng dưới sự quản lí của mình [6; 73]. Cuối thời Kamakura, hệ thống thiền viện được hoàn chỉnh với ba cấp độ Ngũ sơn – Thập sát – Chư sơn vừa quản lí tôn giáo, vừa phục vụ chiến lược chính trị – văn hóa. *Ngũ sơn* gồm năm ngôi chùa lớn, giữ vị trí trung tâm đào tạo, biên soạn và hỗ trợ quyền lực Mạc phủ. *Thập sát* là mười chùa quan trọng xếp sau, có quy mô và ảnh hưởng thấp hơn nhưng vẫn bổ sung nhân sự và lan tỏa ảnh hưởng văn hóa Thiền. *Chư sơn* chỉ toàn bộ chùa còn lại, phân bố rộng khắp, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và văn hóa cơ sở.

Theo quy định, các thiền sư sau khi hoàn tất quá trình tu học và được công nhận đặc pháp sẽ được Mạc phủ cấp “Công thiếp” – văn bản chính thức chứng nhận tư cách trụ trì các thiền viện thuộc hệ thống Chư sơn. Từ đây, họ có thể tiếp tục thăng tiến, đảm nhiệm vai trò trụ trì tại các thiền viện cao cấp hơn trong hệ thống Thập sát và Ngũ sơn [6; 75]. Cơ chế này không chỉ giúp Mạc phủ kiểm soát trực tiếp giới tăng lữ, mà còn tạo ra một cấu trúc hành chính hóa Phật giáo, đặc biệt là Thiền tông góp phần gắn kết chặt chẽ với trật tự chính trị và thể chế quân sự đương thời.

Mặc dù được Mạc phủ Kamakura bảo trợ và giữ vị thế nổi bật, các thiền viện Ngũ sơn chỉ chiếm khoảng một nửa trong toàn bộ Lâm Tế tông. Dần dần, mạng lưới Thập sát và Mật tự lan rộng khắp địa phương, mở rộng ảnh hưởng của Thiền. Sự gắn bó chặt chẽ giữa Thiền và tầng lớp võ sĩ tưởng như nghịch lí, song thực chất phản ánh sự thích ứng của Thiền khi du nhập Nhật Bản dưới hình thái *Tổng Thiền* – vốn đã hội nhập với Nho học và cơ cấu hành chính Trung Hoa. Chính Samurai, trong bối cảnh thay thế quý tộc cung đình, đã tiếp thu Tổng Thiền như một hệ tư tưởng phù hợp với võ sĩ đạo: thanh tịnh nội tâm, kiên cường hành động, và bình thản trước cái chết.

2.1.3. Giai đoạn Thiền tông mở rộng và thẩm thấu (1336 - 1573)

Sau khi Mạc phủ Kamakura sụp đổ vào năm 1333, Nhật Bản rơi vào thời kì phân tranh Nam – Bắc triều. Năm 1338, Ashikaga Takauji (1305 - 1358) thiết lập triều đình phương Bắc tại Kyoto, tự xưng là Chinh di Đại tướng quân và thành lập Mạc phủ Muromachi. Mãi đến thời tướng quân thứ ba – Ashikaga Yoshimitsu – cuộc nội chiến Nam Bắc triều mới được dập tắt, mở đường cho quá trình thống nhất đất nước và củng cố quyền lực trung ương. Từ thời điểm này, Mạc phủ

Muromachi nắm giữ thực quyền trong quản lý nhà nước, bao gồm duy trì an ninh – trật tự, thực thi quyền tài phán, thu thuế, và đặc biệt là can thiệp sâu vào các hoạt động của triều đình, từ bổ nhiệm nhân sự cho đến tổ chức nghi lễ cung đình. Bên cạnh việc siết chặt quyền lực chính trị và quản lý kinh tế, các tướng quân Mạc phủ Muromachi còn đặc biệt chú trọng đến phát triển văn hoá, trong đó văn hóa Thiền đóng vai trò trung tâm. Dưới sự bảo trợ của chế độ Mạc Phủ, Thiền tông đã chú trọng vào những kinh nghiệm sống và phát triển một số loại hình nghệ thuật mới như trà đạo, những vũ điệu thanh lịch, nghệ thuật vẽ mực (*sumie* hay *Suibokuga*) [7; 70]. Điều này thể hiện tinh thần tích cực hoà nhập với tự nhiên của Thiền Phật giáo dưới thời kì này.

Năm 1341, tướng Ashikaga Tadayoshi đã tiến hành cơ cấu lại hệ thống Thiền Ngũ sơn, qua đó thiết lập một trật tự phân cấp rõ ràng cho các thiền tự trọng yếu, bao gồm Ngũ sơn đệ nhất; Ngũ sơn đệ nhị; Ngũ sơn đệ tam, Ngũ sơn đệ tứ là Kennin-ji; và Ngũ sơn đệ ngũ là Tofuku-ji. Như vậy, bốn thiền tự ở Kyoto và bốn thiền tự ở Kamakura đã được Mạc phủ chính thức đưa vào hệ thống Ngũ sơn. Điểm đáng chú ý là chế độ Ngũ sơn tại Nhật Bản đã có những điều chỉnh nhất định so với mô hình nguyên gốc của nhà Tống. Thay vì giới hạn nghiêm ngặt trong năm thiền tự như ở Trung Quốc, hệ thống này tại Nhật trở thành một phương thức để Mạc phủ phân loại, xếp hạng và quy định quy chế đối với các thiền tự lớn, qua đó củng cố quyền lực trung ương và đặt toàn bộ hệ thống thiền viện dưới sự kiểm soát trực tiếp của chính quyền quân sự. Song song với việc tổ chức lại hệ thống tự viện, Mạc phủ còn thiết lập một số chức danh để quản lý hoạt động Phật giáo, điển hình như chức *Zenritsu Chōrō Bugyō* (Thiền luật Trường lão phụng hành) chịu trách nhiệm giám sát toàn bộ hệ thống thiền viện, và *Zenritsukata Tōnin* (Thiền luật phương đầu nhân) – một chức quan cao cấp chuyên quản lý hành chính và nghi lễ của giới tăng lữ Thiền tông. Tuy nhiên, phải đến thời kì trị vì của Ashikaga Yoshimitsu (1358–1408), chế độ Ngũ sơn mới được định chế hóa một cách rõ ràng và hoàn chỉnh [6; 76]. Dưới sự bảo trợ của Yoshimitsu, Thiền tông, đặc biệt là hệ thống Ngũ sơn đã phát triển đến đỉnh cao về cả tổ chức, ảnh hưởng chính trị và đóng góp văn hóa, trở thành trung tâm tinh thần – nghệ thuật quan trọng của Nhật Bản thời trung đại.

Bên cạnh việc tổ chức lại các thiền viện trung ương, Mạc phủ Muromachi còn triển khai việc ban hành danh hiệu *Thập sát* cho nhiều thiền tự ở các địa phương, từ đó thiết lập một mạng lưới thiền viện trải rộng trên toàn quốc dưới sự kiểm soát trực tiếp của chính quyền [6; 76]. Đáng chú ý, phần lớn các thiền tự địa phương này vốn thuộc các tông phái Phật giáo khác như Thiền Thai tông, Mật tông hay Tịnh độ tông, nhưng đã lần lượt chuyển sang Thiền tông để có thể gia nhập hệ thống quản lý mới. Tất cả các thiền tự, dù ở trung ương hay địa phương, đều được tổ chức và giám sát chặt chẽ thông qua mô hình phân cấp gồm Ngũ sơn – Thập sát – Chư sơn [6; 76]. Dưới sự bảo hộ mạnh mẽ của Mạc phủ, các thiền viện thuộc hệ thống Ngũ sơn không những phát triển về mặt tôn giáo mà còn nhanh chóng gây dựng được thế lực đáng kể trên cả phương diện chính trị lẫn tài chính. Tuy nhiên, sự can thiệp sâu của chính quyền quân sự cũng khiến Thiền tông phải đối mặt với nhiều hệ lụy. Một trong những hệ quả đáng kể là sự bất hòa và xung đột quyền lợi giữa các thiền viện được Mạc phủ hậu thuẫn với những tự viện truyền thống thân triều đình, tiêu biểu là Enryaku-ji trên núi Hiei hay Kōfuku-ji ở Nara. Những mâu thuẫn này không chỉ phản ánh sự cạnh tranh về ảnh hưởng tôn giáo, mà còn cho thấy sự phân cực trong cấu trúc quyền lực Phật giáo thời Muromachi – giữa một bên là hệ thống nhà chùa do Mạc phủ kiểm soát, và bên kia là các thế lực tôn giáo lâu đời gắn bó với hoàng gia và quý tộc cung đình.

Như vậy, thông qua việc thiết lập và vận hành chế độ Ngũ sơn trong thời kì này, có thể nhận thấy mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Mạc phủ Kamakura và Thiền tông, đặc biệt là Lâm Tế tông. Mạc phủ không chỉ bảo trợ mà còn can thiệp sâu vào hầu hết các hoạt động tổ chức, nhân sự và hành chính của các thiền viện. Ở chiều ngược lại, các thiền tự không còn chỉ là cơ sở tôn giáo đơn thuần, mà đã trở thành một bộ phận quan trọng trong cấu trúc hành chính - chính trị của chính quyền Mạc phủ, góp phần duy trì và củng cố quyền lực từ trung ương đến địa phương. Từ thực tế đó, có thể khẳng định rằng Thiền tông tại Nhật Bản đã thể hiện rõ nét tính nhập thế

(*engaged Buddhism*) trong cấu trúc nhà nước quân sự. So với Thiền tông ở các quốc gia Đông Á đương thời, Thiền Nhật Bản không chỉ có mức độ nhập thể sâu rộng hơn mà còn trở thành một thiết chế tôn giáo – chính trị mang tính chất cấu thành, gắn chặt với vận hành của bộ máy cầm quyền.

2.2. Ảnh hưởng của Thiền tông đối với tầng lớp Samurai thời trung đại

Tại Nhật Bản cũng như ở châu Âu, khi chế độ phong kiến được xác lập một cách chính thức, tầng lớp võ sĩ chuyên nghiệp đã trở thành lực lượng nắm giữ quyền lực đáng kể trong xã hội. Họ là giới quý tộc quân sự – những sĩ quan có chức năng bảo vệ và phục vụ các thành viên cấp cao trong triều đình. Việc đào tạo võ sĩ được tiến hành theo quy trình khắt khe, đòi hỏi sự rèn luyện nghiêm túc cả về thể chất lẫn tinh thần. Thực tiễn cho thấy, năng lực của Samurai không chỉ bắt nguồn từ sức mạnh thể chất mà còn phụ thuộc sâu sắc vào sự tu dưỡng nội tâm, kỉ luật và bản lĩnh tinh thần. Từ thế kỉ VIII, sự hình thành và phát triển của tầng lớp Samurai đã đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử quân sự Nhật Bản, khi nghệ thuật chiến đấu không chỉ được thực hành như một kỹ năng sinh tồn mà còn được nâng lên thành một hệ thống tri thức và đạo lí – một hình thái học thuật được nuôi dưỡng từ tinh thần Thiền tông kết hợp với thể giới quan của Thần đạo [8; 4]. Qua đó, chiến tranh không đơn thuần là sự xung đột vũ lực, mà trở thành một con đường để tôi luyện nhân cách và đạt đến sự hòa hợp giữa cá nhân và vũ trụ – lí tưởng trung tâm của tinh thần võ sĩ đạo.

Thiền tông được xem là tôn giáo biểu hiện sức mạnh ý chí nội tại – một dạng năng lực tinh thần mà các chiến binh Samurai đặc biệt cần đến, dù sự giác ngộ ấy phải được đạt đến thông qua quá trình tự tu tập và khai sáng từ bên trong. Tầng lớp Samurai được các lãnh chúa phong kiến (Daimyo) trọng dụng không chỉ vì kỹ năng chiến đấu tinh nhuệ mà còn bởi khả năng bảo vệ lãnh thổ và duy trì trật tự dưới quyền cai trị của các thế lực địa phương. Trong cả chiến đấu lẫn đời sống thường nhật, Samurai luôn phải tuân thủ một hệ thống quy tắc ứng xử nghiêm ngặt gọi là *bushido* - tức “đạo của võ sĩ”. *Bushido* có thể được xem như một tập hợp các chuẩn mực đạo đức đặc thù của tầng lớp võ sĩ, được truyền dạy và thực hành như một phần thiết yếu của lí tưởng sống. Dù phần lớn những quy tắc này mang tính phi văn bản và không được hệ thống hóa thành luật thành văn, nhưng chúng lại có hiệu lực mạnh mẽ trong đời sống tinh thần của võ sĩ, như một “*luật nội tâm*” điều khiển hành vi một cách tự nguyện nhưng đầy cưỡng chế. Trong quá trình hình thành và phát triển của *bushido*, Phật giáo, đặc biệt là Thiền tông đã đóng vai trò then chốt. Không chỉ cung cấp nền tảng triết học cho việc rèn luyện bản lĩnh và phẩm cách, Thiền tông còn góp phần định hình thể giới quan, cảm quan thẩm mĩ và lí tưởng sống của tầng lớp Samurai, qua đó tạo nên một hình mẫu đạo đức vừa khắc kỉ, vừa siêu nghiệm, vừa thực dụng.

Sự kết hợp giữa thiền định và võ thuật đã góp phần hình thành một phong cách chiến đấu mang chiều sâu nội tâm cùng một triết lí sống đặc thù cho tầng lớp Samurai. Đặc biệt, dưới thời kì Kamakura (1195 - 1333), Thiền tông phát triển mạnh mẽ không chỉ nhờ sự bảo trợ của Mạc phủ mà còn bởi những biến đổi căn bản trong bản chất tư tưởng Thiền. Đây là thời điểm mà Thiền tông được du nhập từ Trung Quốc dưới dạng Tống Thiền – tức dòng Thiền phát triển trong bối cảnh nhà Tống, vốn có nhiều điểm khác biệt so với Thiền nhà Đường. Sự chuyển đổi này phản ánh những điều kiện lịch sử mới tại Trung Quốc, nơi tư tưởng Thiền buộc phải điều chỉnh để thích nghi với những biến động xã hội và sự thay đổi trong cấu trúc quyền lực. Khi tiếp nhận Tống Thiền, tầng lớp võ sĩ Nhật Bản – lực lượng vừa nổi lên thay thế vai trò chính trị truyền thống của giới quý tộc cung đình đã tìm thấy trong hệ tư tưởng này một nền tảng tinh thần phù hợp. Trên thực tế, chính tầng lớp Samurai là những người đầu tiên tiếp thu, vận dụng và nội hóa các yếu tố của Tống Thiền vào trong thực hành chiến đấu, đạo đức và lối sống, từ đó kiến tạo nên bản sắc tinh thần riêng biệt của Võ sĩ đạo thời trung đại Nhật Bản.

Một là, sự dung hợp giữa Thiền tông và tầng lớp võ sĩ đạo có thể được nhìn nhận như một cấu trúc tư tưởng kết tinh từ ba nguồn ảnh hưởng chính: tinh thần Thần đạo bản địa, tư tưởng Nho gia du nhập và cốt lõi đạo lí của Thiền tông. Mỗi tổng hòa này được phản ánh rõ nét trong những yêu cầu đặt ra đối với chuẩn mực đạo đức của Samurai, bao gồm: trung hiếu, dũng cảm, từ bi,

khiêm nhường, cần kiệm, chất phác, trọng danh dự, coi trọng tiết tháo và thái độ bình thản trước sự sống và cái chết. Trong đó, các phẩm chất như từ bi, cần kiệm, chất phác và đặc biệt là tinh thần vô úy, coi sống chết như nhau là những giá trị cốt lõi được Thiền tông nhấn mạnh. Nhờ đó, Thiền tông đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển *bushido* – “đạo của võ sĩ”, tức con đường mà một Samurai phải tuân theo không chỉ trong chiến trận mà cả trong đời sống thường nhật. Các võ sĩ Nhật Bản cũng bị ràng buộc bởi một hệ thống quy phạm đạo đức không thành văn nhưng mang tính chế tài mạnh mẽ. *Bushido*, trong trường hợp này, trở thành công cụ kiểm soát hành vi và bảo đảm danh dự cho cá nhân Samurai, đồng thời góp phần duy trì trật tự trong xã hội phong kiến Nhật Bản [9; 44].

Trong bối cảnh xã hội Nhật Bản thời trung đại, tầng lớp Samurai đã xem chiến đấu không chỉ là nghĩa vụ mà còn là lẽ sống, từ đó nảy sinh nhu cầu tìm kiếm một hệ tư tưởng tôn giáo phù hợp để khẳng định bản sắc và giá trị tồn tại của mình. Thiền tông, với đặc trưng là một tôn giáo mang tính thực hành cao, đã đáp ứng nhu cầu đó của giới võ sĩ. Không chỉ ảnh hưởng đến các lĩnh vực nghệ thuật, triết học và võ thuật, Thiền tông còn đóng vai trò thiết yếu trong việc định hình phong cách sống và nền tảng đạo đức của tầng lớp Samurai. Việc tiếp nhận Thiền tông đã góp phần định hình nên thế giới quan và nhân sinh quan của võ sĩ đạo, đặt nền móng cho một hệ giá trị tinh thần dựa trên sự điềm tĩnh, kỉ luật, nội hướng. Những phẩm chất như bình thản trước cái chết, làm chủ bản thân trong nghịch cảnh, hay tuân thủ kỉ luật một cách nghiêm cần, vốn là trọng tâm trong giáo lí Thiền tông đã trở thành những đức tính cốt lõi của một Samurai, cả trong chiến trận lẫn đời sống thường nhật. Trải qua quá trình tiếp biến và phát triển lâu dài, văn hóa Thiền tông không chỉ trở thành trụ cột tinh thần của giới võ sĩ mà còn góp phần tạo ra một hình thái văn hóa độc lập, mang tính đối trọng với văn hóa cung đình mang đậm dấu ấn quý tộc: “Bổn phận của một chiến binh, giống như một nhà sư, là tuân theo mệnh lệnh... [Một Samurai] phải coi mạng sống của mình không phải là của riêng mình mà là món quà dâng lên chúa tể của mình” [1; 42].

Hai là, thông qua giáo lí và thực hành Thiền tông, tầng lớp Samurai đã học được kỹ năng thiền định – một phương pháp không chỉ hỗ trợ điều chỉnh tâm trí và cơ thể, mà còn giúp họ đạt tới trạng thái giác ngộ. Giáo lí của Thiền tông đã chỉ ra sự kết hợp ba phương pháp tu tập “Tam đạo” (*marga*): Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo [7; 72]. Nghĩa là, Thiền giả phải tu luyện sao cho đồng thời đạt được sự yên tĩnh và vận động tích cực – sự yên tĩnh gần như tuyệt đối của tâm (*Chi*) và tâm thức tập trung cao độ hướng đến Tuệ (*Quán*). Trong thế giới quan của Samurai, việc bộc lộ cảm xúc được xem là biểu hiện của sự yếu đuối, thiếu bản lĩnh nam nhi [2; 137]. Do đó, lí tưởng “hỷ nộ bất lộ”, tức “vui buồn không biểu hiện ra ngoài”, được đề cao như biểu hiện của một cá tính mạnh mẽ và ổn định [2; 137]. Việc rèn luyện Thiền đã giúp các Samurai nuôi dưỡng sự điềm tĩnh về tinh thần và sự chính xác trong hành động, nhờ đó có thể làm chủ bản thân trước mọi biến động, không bị chi phối bởi cảm xúc nhất thời. Có thể nói, tinh thần chiến binh của Samurai gắn bó sâu sắc với các nguyên lí cốt lõi của Thiền tông. Dựa trên giáo lí của Thiền tông bao gồm ba bộ phận thống nhất trong một chỉnh thể không tách rời, gọi là “Tam học” (*siksha*): Giới, Định, Tuệ. Nghĩa là, không trì giới thì tâm không tịnh, do đó không định được tâm thì không đạt được tuệ [7; 72]. Trong đó, khái niệm *fudoshin* – “tâm bất động” – là một minh chứng tiêu biểu: đây là trạng thái tinh thần kiên định, không lay chuyển trước hiểm nguy hay nghịch cảnh, và được xem là lí tưởng tâm thức mà một chiến binh chân chính phải hướng tới. Thực hành Thiền, trong nghĩa sâu nhất, là con đường đưa con người vượt qua vọng tưởng, dừng mọi tạp niệm để trực tiếp tiếp cận với “*Tánh giác*” – bản thể sáng suốt vốn sẵn có nơi mỗi cá nhân. Khi ta không còn làm chủ được “*bản ngã*”, thì cũng không còn điểm tựa cho vọng tưởng tồn tại, và chính lúc đó, mặt trời của sự giác ngộ mới thực sự bùng sáng từ trong tâm thức con người. Một khi bản ngã bị tiêu trừ, thì “đời sống” mới thực sự bắt đầu – đó là cuộc sống của sự tự tại, an nhiên và an lạc. Tuy nhiên, quá trình tu dưỡng mang tính khắc kỉ của tầng lớp Samurai cũng bộc lộ những giới hạn nhất định, đặc biệt là nguy cơ rơi vào cực đoan. Việc tự kỉ luật quá mức có thể làm tắc nghẽn dòng chảy tự nhiên của cảm xúc, khiến con người trở nên khô cứng, bảo thủ, thậm chí có khuynh hướng cuồng tín, duy lí cực đoan và thiếu vắng sự đồng cảm nhân ái [2; 142]. Khi hành trình tu

thân của võ sĩ đạt đến mức tuyệt đối, một trong những hệ quả tiêu biểu nhất là sự hình thành chế độ *seppuku* – tức nghi lễ “mổ bụng tự sát” [2; 144]. Đây không đơn thuần là một hành vi cá nhân mà trở thành một thiết chế có tính pháp lí và nghi lễ, được chuẩn hóa trong đời sống chính trị – đạo đức của võ sĩ đạo. *Seppuku* ra đời như một “sáng kiến” đặc trưng của xã hội trung đại Nhật Bản: đó là phương thức để võ sĩ chuộc lỗi, bày tỏ lòng sám hối, gìn giữ danh dự, đền đáp ân nghĩa hay chứng minh lòng trung thành tuyệt đối [2; 149]. “Thiền nhấn mạnh sự đơn giản và tự chủ, sự tỉnh táo mọi lúc và sự bình tĩnh khi phải đối mặt với cái chết. Những ý tưởng đó hoàn toàn phù hợp với lối sống của samurai, nơi mà một cuộc đấu tay đôi luôn có thể xảy ra, và sự sống và cái chết chỉ cách nhau bởi một nhát kiếm duy nhất. Thiền định giúp samurai bình tĩnh tâm trí, nhận thức được sự hài hòa cuối cùng trong sự bất hòa bề ngoài và đạt được sự thống nhất giữa trực giác và hành động. Vì những lí do này, Thyssen Deshimaru tuyên bố rằng Thiền là “tôn giáo của samurai” [3; 64].

Ba là, ảnh hưởng của Thiền tông đối với võ thuật Nhật Bản là sâu sắc và lâu dài. Với nguồn gốc gắn liền với chùa Thiếu Lâm ở Trung Quốc, Thiền và võ thuật từ lâu đã hình thành mối quan hệ hữu cơ, hỗ trợ và bổ sung lẫn nhau. Trong truyền thống Samurai, các yếu tố như kỉ luật nghiêm khắc, chánh niệm, sự rèn luyện đồng thời cả thân thể và tâm trí – đều phản ánh trực tiếp ảnh hưởng của Thiền tông trong quá trình huấn luyện võ thuật. Thiền sư Kōdō Sawaki từng khẳng định: “*Thiền và võ thuật là một*” (*Zen and martial arts are one*). Cả hai lĩnh vực đều đòi hỏi sự rèn luyện không ngừng, và không thể đo lường bằng thời gian cụ thể để đạt đến cảnh giới tối hậu. Với Thiền, giác ngộ là cả một hành trình sống; và võ thuật, xét về bản chất, cũng mang tính tu tập như thế. Việc thực hành Thiền không chỉ là rèn luyện tinh thần, mà còn là phương thức để nhận thức sâu sắc về thân – tâm thông qua sáu giác quan (Lục căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Quá trình này đồng thời là sự quán chiếu về bản thể – nơi con người ý thức rõ về mối quan hệ giữa cái “Ta” và năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) – cấu trúc nền tảng của sự hiện hữu theo giáo lí Phật giáo.

Trong võ sĩ đạo, thanh kiếm không chỉ là vũ khí, mà còn là biểu tượng thiêng liêng của sức mạnh, danh dự và dũng khí, “Thanh kiếm là bạn đời, được yêu thương, được đặt tên, được tôn trọng gần như sùng bái” [2; 165]. Kiếm đạo (Kendō), chịu ảnh hưởng sâu sắc của Thiền, vừa rèn luyện kỹ năng chiến đấu vừa là con đường tu luyện nội tâm. Việc luyện tập với sự tập trung và lặp lại gợi nhiều điểm tương đồng với hành thiền, hướng tới sự an tĩnh và tự nhận thức. Tuy nhiên, võ sĩ đạo không cổ xúy dùng kiếm tùy tiện, mà đề cao việc sử dụng đúng lúc, trong khuôn khổ đạo lí và danh dự. Kiếm vì thế trở thành hiện thân của tinh thần Bushidō, nơi thân – tâm được rèn luyện bằng kỉ luật, thiền định và lòng trung nghĩa.

Thiền tông không chỉ ảnh hưởng đến đời sống tinh thần và quân sự mà còn thấm sâu vào nghệ thuật và văn hóa Nhật Bản, đặc biệt trong tầng lớp Samurai và cả Mạc phủ. Kamakura Bakufu tìm thấy ở Thiền tính kỉ luật, tinh thần vô thường và sự giác ngộ cá nhân, phù hợp với nguyên tắc trung thành và lí tưởng võ sĩ đạo, từ đó tăng cường bảo trợ và xây dựng thiền viện, giúp Ngũ sơn phát triển mạnh. Sự gắn kết giữa Thiền và chính quyền phản ánh xu thế giới tinh hoa luôn chọn lựa giáo phái gắn liền với sinh mệnh chính trị của mình. Ảnh hưởng này còn lan tới cung đình, để lại dấu ấn trong nghệ thuật, kiến trúc và nghi lễ hoàng gia.

3. Kết luận

Thiền tông du nhập vào Nhật Bản từ Trung Quốc trong bối cảnh quốc gia này đang trải qua nhiều biến động sâu sắc về chính trị và xã hội. Với đặc trưng đề cao sự tu tập nội tâm, tự lực và thực hành trực tiếp, Thiền tông nhanh chóng thích nghi với đời sống tinh thần của người Nhật và trở thành một trong những tông phái Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất, đặc biệt thông qua hai dòng chính là Lâm Tế tông và Tào Động tông. Dưới thời Mạc phủ Kamakura – giai đoạn định hình nhiều đặc điểm cốt lõi của tầng lớp Samurai – Thiền tông đã không chỉ phát triển mạnh mẽ mà còn tạo nên sự dung hợp độc đáo giữa Phật giáo, Nho giáo và tư tưởng võ sĩ đạo. Trong đó,

Thiền Lâm Tế đặc biệt được giới võ sĩ đón nhận, thể hiện qua câu tục ngữ dân gian: “Lâm Tế cho tướng lãnh, Tào Động cho nông dân” [5; 302].

Trên cơ sở khảo cứu lịch sử và phân tích tư tưởng, bài viết đã làm rõ ba phương diện chính: quá trình du nhập Thiền tông vào Nhật Bản; các giai đoạn phát triển đặc trưng của Thiền tông trong xã hội Nhật Bản trung đại; và đặc biệt là ảnh hưởng sâu sắc của Thiền tông đến tầng lớp Samurai. Nghiên cứu chỉ ra rằng những nguyên lý cốt lõi của Thiền – như sự tĩnh lặng nội tâm, vô ngã, vô thường, khả năng kiểm soát cảm xúc và chấp nhận cái chết một cách an nhiên – đã trở thành nền tảng tinh thần cho tinh thần kỉ luật, lòng dũng cảm và ý chí bất khuất của các Samurai, cả trên chiến trường lẫn trong đời sống thường nhật. Đồng thời, sự bảo trợ của các lãnh chúa và tầng lớp võ sĩ cũng góp phần quan trọng trong việc lan tỏa Thiền tông và định hình hệ giá trị của Bushidō – đạo lí sống của Samurai Nhật Bản.

Kết quả nghiên cứu góp phần khẳng định rằng Thiền tông không chỉ là một tông phái Phật giáo hay một hệ triết lí sống, mà còn là một yếu tố cấu thành bản sắc tinh thần của tầng lớp Samurai và rộng hơn là văn hóa Nhật Bản trung đại. Qua đó, nghiên cứu mở ra những hướng tiếp cận liên ngành tiềm năng, nhằm tiếp tục khám phá mối quan hệ giữa tôn giáo, triết học và văn hóa trong lịch sử Nhật Bản, cũng như trong các xã hội phong kiến phương Đông nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] King WL, (1993). *Zen and the way of the sword: Arming the samurai psyche*. Oxford University Press.
- [2] Nitobe Inaz, (2011). *Võ sĩ đạo, linh hồn của Nhật Bản*, Lê Ngọc Thảo dịch. NXB Thời đại, Hà Nội.
- [3] Maksimovich M & Blagoevich M, (2024). Zen Buddhism in tradition, culture and society of Japan. *Research Result. Sociology and management*, 10(1), 54-69, DOI: 10.18413/2408-9338-2024-10-1-0-5. <https://cyberleninka.ru/article/n/zen-buddhism-in-tradition-culture-and-society-of-japan>
- [4] TV Lý, (2020). *Tổng quan lịch sử Phật giáo thế giới (Quyển II)*. Bohdi Wisdom DN Publishing.
- [5] T Nghiêm & T Hai, (2008). *Lịch sử Phật giáo Thế giới*. NXB Khoa học Xã hội.
- [6] PTT Giang, (2023). Sự du nhập và triển khai Thiền tông ở Nhật Bản. *Tạp chí Khoa học Đại học Hạ Long*, số 9, 70-77.
- [7] HT Thơ, (2001). Vài nét đặc trưng của Phật giáo Thiền tông Nhật Bản. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 7(1), 69-73.
- [8] Miyamoto Musashi, (2018). *Ngũ luân thư*, BT Can (dịch). NXB Thế giới, Hà Nội.
- [9] NTT Anh, (2009). *Ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống tinh thần ở xã hội Nhật Bản*. Luận án Tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.